

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 320 /BC-UBND

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
Về tình hình thu gom và xử lý nước thải
trên địa bàn thành phố Quy Nhơn

Kính gửi: Sở Xây dựng Bình Định

UBND thành phố Quy Nhơn nhận được Công văn số 1816/SXD-HTKT ngày 04/6/2024 của Sở Xây dựng về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu về cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh 06 tháng đầu năm 2024, dự kiến chỉ tiêu đạt được năm 2024, kế hoạch năm 2025. Sau khi rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND thành phố Quy Nhơn báo cáo một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Về lĩnh vực cấp nước

- Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu 06 tháng đầu năm 2024 được báo cáo tại Phụ lục I (Số liệu này, UBND thành phố tổng hợp báo cáo trên cơ sở số liệu của Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định cung cấp)

- Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 9495/UBND-TH ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc thông báo một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đối với các huyện, thị xã, thành phố:

Hiện nay, người dân trên địa bàn thành phố Quy Nhơn cơ bản đã được cấp nước sạch, chỉ còn lại một số điểm dân cư nhỏ, nằm phân tán rải rác trên địa bàn phường Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và 02 khu vực: khu vực 1, phường Ghềnh Ráng và khu vực 9, phường Hải Cảng chưa có đường ống cấp nước. Trong năm 2024, UBND thành phố Quy Nhơn phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan tiến hành khảo sát, đề xuất đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước đến một số điểm dân cư nhỏ lẻ tại phường Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân nhằm từng bước phủ kín mạng lưới đường ống cấp nước sạch phục vụ nhân dân trên địa bàn thành phố đạt tỷ lệ 99,1%. Trong năm 2025, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp cấp nước sạch cho khu vực 1, phường Ghềnh Ráng và khu vực 9, phường Hải Cảng để đảm bảo hoàn thành cấp nước cho thành phố Quy Nhơn.

2. Về lĩnh vực thoát nước

- Tình hình thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn:
Theo nội dung Báo cáo số 185/BC-UBND ngày 26/4/2024 của UBND thành phố về công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (gửi kèm theo văn bản).

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý: Số liệu các chỉ tiêu được cập nhật theo phụ lục III đính kèm.

UBND thành phố kính báo cáo./. *TC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT thành phố;
- Văn phòng (LD+C11);
- Phòng QLĐT;
- Ban DVCI;
- Công ty MTBĐ;
- Lưu: VT.

[Handwritten mark]

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

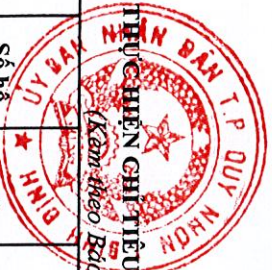


Nguyễn Công Vịnh

PHỤ LỤC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU DÀN SỐ ĐÔ THỊ ĐƯỢC CUNG CẤP NƯỚC SẠCH QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG

(Kèm theo Báo cáo số 320/BC-UBND ngày 28/06/2024 của UBND thành phố Quy Nhơn)



STT	Đô thị	Số hộ dân đô thị	Dân số đô thị	Mật độ người/hộ	06 tháng đầu năm 2024			Năm 2024		
					Số hộ được cấp nước sạch đến hết Quý II/2024 (hộ)	Dân số đô thị được cung cấp nước sạch đến hết Quý II/2024 (người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đến hết Quý II/2024 (%)	Số hộ dân được cấp nước sạch đến hết năm 2024 (hộ)	Dân số đô thị được cấp nước sạch đến hết năm 2024 (người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đến hết năm 2024 (%)
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)	(8)=(7)*(6)	(9)=(8)/(5)	(10)	(11)=(10)*(6)	(12)=(11)/(5)
1	Thành phố Quy Nhơn	76.096	266.639	3,504	75.388	264.158	99,070	75.410	264.235	99,10

PHỤ LỤC III

TY LỆ NƯỚC THẢI SINH HOẠT ĐƯỢC THU GOM, XỬ LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 320/BC-UBND ngày 28/06/2024 của UBND thành phố Quy Nhơn)



TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tên đô thị	Đến số đô thị theo niên giám thống kê năm 2022 (người)	Mật độ dân số (người/km ²) trên toàn thành phố	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng)	Tổng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%) (9) = (8) / (6)
1	Thành phố Quy Nhơn	12 phường nội thành (Đông Đa, Trần Hưng Đạo, Thị Nại, Hải Cảng, Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ, Ghềnh Ráng, Quang Trung, Ngô Mỹ, Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Lê Lợi)	185.813	1.034	33.356	Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình	13.979	41,9%
			45.823					
			38.011		4.561	Nhà máy xử lý nước thải 2A (không bao gồm nước rỉ rác được bơm về từ Trạm xử lý Long Mỹ)	1.091	24%
		16 phường thành phố Quy Nhơn	269.647		37.917	02 Nhà máy	15.070	39,74%

Ghi chú: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính cho 14 phường nội thành, 02 phường ngoại thành, trong đó:

+ Lượng nước thải sinh hoạt của 14 phường: Số người x 180 lít/người x 0,8 x 1.000. Lượng nước thải của 14 phường sẽ được thu gom về Nhà máy XLNT Nhơn Bình (Áp dụng TCCN 33:2006 về cấp nước: Tiêu chuẩn cấp nước: 12 phường nội thành và 02 phường ngoại thành 180 lít/người/ngày).

+ Lượng nước thải sinh hoạt của 02 Phường (Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân): Số người x 150 lít/người x 0,8 x 1.000; Lượng nước thải của phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân sẽ được thu gom về Nhà máy XLNT 2A (Áp dụng TCCN 33:2006 về cấp nước: Tiêu chuẩn cấp nước: 02 phường ngoại thành 150 lít/người/ngày)..

